

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ KẾ THỪA NGHỀ NGHIỆP TRONG GIA ĐÌNH TẠI LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP TỈNH THANH HÓA

NGUYỄN THỊ VIỆT HƯNG^(*)

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình tại ba làng nghề truyền thống tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam, gồm làng đúc đồng Trà Đông, làng chiếu cói Nga Sơn và làng đá mỹ nghệ Nhồi. Dựa trên khung lý thuyết về di động xã hội của Sabura Yasuda, lý thuyết vốn văn hóa của Pierre Bourdieu và tiếp cận lựa chọn hợp lý, nghiên cứu kết hợp phương pháp định lượng (khảo sát 300 hộ dân làm nghề) và định tính (quan sát, phân tích tài liệu) để đo lường chỉ số di động xã hội và xác định các yếu tố tác động đến mức độ kế thừa nghề giữa cha và con. Kết quả cho thấy xu hướng suy giảm tỉ lệ kế thừa nghề ở thế hệ thứ ba, cùng với sự gia tăng mạnh của chỉ số Yasuda và tỉ lệ di động tuần hoàn. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định kế nghiệp bao gồm: sự biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội, tác động của chính sách phát triển làng nghề, phân công lao động theo giới, vai trò của nghề nhân, mức độ cơ giới hóa sản xuất và khả năng tích hợp du lịch. Nghiên cứu góp phần làm rõ bức tranh di động nghề nghiệp trong bối cảnh hiện đại hóa nông thôn, đồng thời gợi mở những hàm ý chính sách nhằm phục hồi và phát triển bền vững các làng nghề truyền thống ở Việt Nam.

Từ khóa: Làng nghề truyền thống; Sự kế thừa nghề nghiệp; Tỉnh Thanh Hóa.

FACTORS THAT INFLUENCE THE PROCESS OF OCCUPATIONAL INHERITANCE ACROSS GENERATIONS WITHIN FAMILIES IN TRADITIONAL CRAFT VILLAGES IN THANH HOA PROVINCE

Abstract: This paper focuses on analyzing the factors that influence the process of occupational inheritance across generations within families in three representative traditional craft villages in Thanh Hoa province, Vietnam - namely Tra Dong bronze casting village, Nga Son sedge mat weaving village, and Nhoi stone carving village. Based on the theoretical framework of social mobility by

^(*) Trường Đại học Hồng Đức.

Sabura Yasuda, Pierre Bourdieu's theory of cultural capital, and the rational choice approach, the study employs a mixed-methods design combining quantitative surveys (300 craft-making households) and qualitative techniques (observation and document analysis) to measure the Yasuda index and identify factors influencing intergenerational occupational continuity. The findings indicate a downward trend in occupational inheritance by the third generation, along with a sharp increase in the Yasuda index and circular mobility rates. Key determinants include socio-economic restructuring, the impact of craft village development policies, gender-based labor division, the role of master artisans, the level of production mechanization, and the potential for tourism integration. This research contributes to a clearer understanding of occupational mobility in the context of rural modernization and offers policy implications for the sustainable development and revitalization of traditional craft villages in Vietnam.

Keywords: *Occupational inheritance; Thanh Hoa province; Traditional craft villages.*

Ngày gửi bài: 16/5/2025; Ngày gửi phản biện: 19/5/2025; Ngày duyệt đăng bài: 10/10/2025.

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy lịch sử văn hóa - xã hội của Việt Nam, làng nghề truyền thống không chỉ là nơi lưu giữ tri thức nghề nghiệp cha truyền con nối mà còn là thiết chế sản xuất mang tính biểu tượng, nơi kết tinh các giá trị văn hóa, xã hội và kinh tế. Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến tháng 12/2022, toàn tỉnh có khoảng 175 làng nghề và làng có nghề, phản ánh sự đa dạng và chiều sâu lịch sử nghề truyền thống. Tuy nhiên, dưới tác động mạnh mẽ của công nghiệp hóa, đô thị hóa và cơ cấu lại nền kinh tế nông thôn, nhiều làng nghề tại tỉnh Thanh Hóa đang đứng trước nguy cơ mai một khi thế hệ trẻ ngày càng ít lựa chọn kế thừa nghề nghiệp của cha ông.

Hiện tượng này không chỉ đặt ra vấn đề về sự dịch chuyển nghề nghiệp giữa các thế hệ - hay còn gọi là di động nghề nghiệp liên thế hệ - mà còn phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu phân tầng xã hội ở các cộng đồng làng nghề truyền thống. Bối cảnh đó đòi hỏi một cách tiếp cận xã hội học toàn diện hơn, không chỉ dừng lại ở mô tả thực trạng mà cần lượng hóa mức độ kế thừa nghề nghiệp, lý giải các nguyên nhân sâu xa và nhận diện những động lực xã hội, kinh tế và văn hóa đằng sau hành vi lựa chọn nghề nghiệp của các thế hệ trong gia đình.

Trên cơ sở tiếp cận lý thuyết di động xã hội của Sabura Yasuda, lý thuyết vốn văn hóa của Pierre Bourdieu và thuyết lựa chọn hợp lý, bài viết này hướng đến phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự kế thừa nghề nghiệp trong gia đình tại các làng nghề truyền thống tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể, bài viết sử dụng phương pháp đo lường di động xã hội để đánh giá mức độ kế tục nghề giữa ba thế hệ tại ba làng nghề tiêu biểu, đồng thời phân tích định tính các yếu tố ảnh hưởng như: chính sách phát triển làng nghề, phân công lao động theo giới, vai trò của nghệ nhân, sự phát triển của công nghệ và du lịch làng nghề.

Thông qua nghiên cứu này, bài viết kỳ vọng cung cấp những căn cứ lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng các chính sách bảo tồn và phát triển đội ngũ kế cận trong các làng nghề truyền thống, góp phần giữ gìn và phát huy giá trị tinh hoa văn hóa nghề nghiệp trong bối cảnh hiện đại hóa nông thôn hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này kế thừa kết quả của nghiên cứu: *Sự kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình tại các làng nghề tỉnh Thanh Hóa* (Nguyễn Thị Việt Hưng, 2023) lựa chọn cách tiếp cận trường hợp điển hình (case study) tại ba làng nghề truyền thống đại diện cho các nhóm nghề thủ công đặc trưng của tỉnh Thanh Hóa: làng đúc đồng Trà Đông (xã Thiệu Trung), làng chiếu cói Nga Sơn (xã Tân Tiến) và làng chế tác đá mỹ nghệ Nhồi (phường Đông Quang). Đây là ba địa bàn có lịch sử làm nghề lâu đời, phản ánh rõ sự đa dạng trong cấu trúc sản xuất, tổ chức lao động và sự kế tục nghề nghiệp giữa các thế hệ.

Đối tượng khảo sát là những người dân hiện đang làm nghề tại các làng nghề nói trên, có độ tuổi khoảng 60 và có ít nhất một người con đã tham gia thị trường lao động. Nhóm tuổi này được lựa chọn vì họ vừa đóng vai trò là thế hệ cha, mẹ trong mối quan hệ cha - con, vừa là thế hệ con trong mối quan hệ với thế hệ ông, cha. Nhờ đó, họ có thể cung cấp đầy đủ thông tin đáng tin cậy về nghề nghiệp của cả 3 thế hệ trong cùng một gia đình. Những người ở độ tuổi này, con cái họ đã tham gia thị trường lao động trong khi họ vẫn có khả năng trả lời các câu hỏi hồi cố về các thông tin của thế hệ trước. Mỗi làng nghề được khảo sát với quy mô mẫu 100 người nhằm đảm bảo tính đại diện trong phân tích. Dữ liệu được thu thập thông qua phiếu khảo sát có cấu trúc, tập trung vào thông tin nghề nghiệp của ba thế hệ trong cùng một gia đình: ông/bà, cha/mẹ và con trai hoặc con gái đã trưởng thành. Thông tin thu thập được sử dụng để thiết lập bảng ma trận nghề nghiệp liên thế hệ.

Để phân tích dữ liệu định lượng, nghiên cứu sử dụng phương pháp đo lường di động xã hội liên thể hệ theo mô hình của Sabura Yasuda. Phương pháp này thiết lập các bảng ma trận (bảng vuông $k \times k$) nhằm xác định mối tương quan giữa địa vị nghề nghiệp của cha và con trai, trong đó các giá trị nằm trên đường chéo chính biểu thị sự kế tục nghề nghiệp, còn các giá trị ngoài đường chéo phản ánh sự dịch chuyển nghề nghiệp (dẫn theo: Đỗ Thiên Kính, 2012). Từ đó, nghiên cứu tính toán các chỉ số: tỉ lệ di động thực tế, di động cấu trúc và di động tuần hoàn. Những chỉ số này cho phép đánh giá mức độ “đóng - mở” của hệ thống nghề nghiệp và sự tác động của các yếu tố xã hội đến hành vi kế thừa nghề của các thế hệ trong gia đình.

Bảng 1: Bảng lý thuyết đo lường di động xã hội từ thế hệ cha sang thế hệ con trai

Nguồn gốc từ		Địa vị xã hội của con trai		Tổng
		1	 i k	
Địa vị xã hội của cha	1	n_{11}	n_{1k}	$n_{1.}$
	:			
	i		n_{ii}	$n_{i.}$
	:			
	k	n_{k1}	n_{kk}	$n_{k.}$
Tổng		$n_{.1}$	$n_{.i}$ $n_{.k}$	N

Nguồn: Đỗ Thiên Kính, 2012, tr. 148.

Từ bảng ma trận này, ba chỉ số quan trọng được tính toán bao gồm:

• **Tỉ lệ di động thực tế (Actual Mobility Rate):**

= Tổng số trường hợp con không theo nghề của cha/Tổng số quan sát;

• **Tỉ lệ di động cấu trúc (Structural Mobility Rate):**

= Phần di động bắt buộc do sự thay đổi khách quan trong cơ cấu nghề nghiệp xã hội (biến mất hoặc hình thành ngành nghề mới, thay đổi quy mô dân số trong từng nhóm nghề);

• **Tỉ lệ di động tuần hoàn (Circulation Mobility Rate):**

= Phần di động do sự hoán đổi tự do của các cá nhân giữa các nhóm nghề nghiệp, phản ánh tính “mở” của cấu trúc xã hội.

Công thức tổng quát:

Tỉ lệ di động thực tế = Tỉ lệ di động cấu trúc + Tỉ lệ di động tuần hoàn

Việc phân tách hai thành phần di động này giúp làm rõ bản chất của sự thay đổi

nghề nghiệp giữa các thế hệ: đó là kết quả của biến động cơ cấu xã hội hay là sự lựa chọn chủ quan của cá nhân. Các chỉ số này đồng thời phản ánh mức độ ổn định nghề nghiệp của hệ thống xã hội làng nghề, cũng như nguy cơ đứt gãy trong truyền thống kế thừa nghề nếu tỉ lệ di động tuần hoàn tăng cao.

Song song với khảo sát định lượng, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích có phê phán từ các công trình đã công bố về nghề truyền thống và di động xã hội, nhằm mở rộng chiều sâu lý luận và so sánh kết quả địa phương trong bối cảnh toàn quốc. Việc kết hợp định lượng và định tính cho phép làm rõ cả thực trạng và nguyên nhân của quá trình kế thừa nghề nghiệp, cũng như các yếu tố cấu trúc và chủ quan ảnh hưởng đến sự dịch chuyển nghề giữa các thế hệ tại các làng nghề truyền thống của tỉnh Thanh Hóa.

3. Cơ sở lý luận về kế thừa nghề nghiệp trong gia đình

3.1. Các khái niệm

Nghiên cứu về sự kế thừa nghề nghiệp trong các gia đình tại làng nghề truyền thống đòi hỏi sự xác định rõ ràng các khái niệm công cụ. Trước hết, theo Nguyễn Thị Lý (2018), “kế thừa nghề nghiệp là quá trình thế hệ sau trong một gia đình tiếp nối, giữ gìn và phát triển vị trí nghề nghiệp, kỹ năng, kinh nghiệm và giá trị nghề nghiệp do thế hệ trước truyền lại”. Khái niệm này không chỉ bao hàm hành vi tiếp tục công việc sản xuất mà còn là sự kế tục không gian văn hóa, bản sắc nghề và hệ giá trị xã hội đặc thù của cộng đồng làm nghề.

Một khái niệm then chốt khác là di động xã hội (social mobility), được hiểu là sự thay đổi vị trí của cá nhân hoặc nhóm trong hệ thống phân tầng xã hội. Theo Đỗ Thiên Kính (2012), di động xã hội có thể diễn ra giữa các thế hệ (intergenerational mobility) hoặc trong cùng một thế hệ (intragenerational mobility), và theo chiều ngang hoặc chiều dọc tùy theo sự thay đổi về địa vị nghề nghiệp và vị thế xã hội (tr. 25). Quan niệm này tương đồng với cách định nghĩa của Kendall (2017), theo đó: “Di động xã hội là sự dịch chuyển của các cá nhân hoặc nhóm người từ một vị trí này sang một vị trí khác trong hệ thống phân tầng xã hội.” Trong khuôn khổ nghiên cứu này, sự kế thừa hay từ bỏ nghề giữa các thế hệ trong một gia đình là biểu hiện cụ thể của di động nghề nghiệp theo chiều dọc, phản ánh mức độ ổn định hay biến đổi của cấu trúc xã hội làng nghề trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế nông thôn.

Như vậy, sự kế thừa nghề nghiệp có thể được hiểu như một hiện tượng xã hội đan xen giữa các yếu tố cấu trúc và hành vi, gắn với quá trình tái sản xuất xã hội, duy trì vốn văn hóa và phản ánh sự vận động của hệ thống nghề nghiệp truyền thống trong xã hội đương đại.

3.2. Lý thuyết ứng dụng

Trên nền tảng khái niệm nêu trên, nghiên cứu này vận dụng ba hướng lý thuyết

chính nhằm phân tích hiện tượng kế thừa nghề nghiệp trong bối cảnh các làng nghề truyền thống tại tỉnh Thanh Hóa.

Thứ nhất, lý thuyết di động xã hội của Sabura Yasuda được sử dụng để đo lường mức độ kế tục hoặc dịch chuyển nghề nghiệp giữa các thế hệ thông qua hệ thống ma trận nghề nghiệp và các chỉ số định lượng. Yasuda phân biệt hai dạng di động chính: di động cấu trúc (bắt nguồn từ những thay đổi khách quan trong kết cấu ngành nghề) và di động tuần hoàn (liên quan đến dịch chuyển chủ quan giữa các cá nhân trong xã hội). Chỉ số Yasuda là công cụ hữu hiệu để xác định mức độ “đóng - mở” của cấu trúc nghề nghiệp trong các cộng đồng làng nghề (Đỗ Thiên Kính, 2012).

Thứ hai, lý thuyết vốn văn hóa của Pierre Bourdieu cho phép lý giải sâu sắc quá trình kế thừa nghề nghiệp như một dạng tái sản xuất xã hội, trong đó các loại vốn văn hóa - như vốn hiện thân (tri thức và kỹ năng nghề), vốn khách thể (công cụ sản xuất, sản phẩm), vốn xã hội (mạng lưới quan hệ nghề) và vốn biểu tượng (danh tiếng nghề nhân, uy tín gia đình làm nghề) - được truyền từ thế hệ trước sang thế hệ sau trong một cấu trúc gia đình - dòng họ - cộng đồng (Bourdieu, 1986).

Thứ ba, lý thuyết lựa chọn hợp lý (Rational Choice), cung cấp cơ sở để giải thích hành vi nghề nghiệp của cá nhân như một kết quả của quá trình cân nhắc chi phí - lợi ích. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh, các cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ, có thể từ chối kế thừa nghề truyền thống nếu cảm thấy nó không đảm bảo mức sống, địa vị xã hội hoặc cơ hội phát triển (Scott, 2000). Như vậy, việc tiếp nối hay rời bỏ nghề truyền thống trở thành một quyết định xã hội học có tính toán hơn là hệ quả tất yếu của truyền thống gia đình.

Việc tích hợp ba hướng lý thuyết này giúp nghiên cứu không chỉ mô tả hiện tượng kế thừa nghề nghiệp trong làng nghề truyền thống mà còn phân tích một cách toàn diện các động lực cấu trúc - văn hóa - cá nhân chi phối hành vi nghề nghiệp liên thế hệ trong bối cảnh chuyển đổi xã hội hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mức độ kế thừa nghề nghiệp ở các làng nghề tỉnh Thanh Hóa

Kết quả khảo sát tại ba làng nghề truyền thống đại diện cho ba nhóm nghề đặc trưng ở tỉnh Thanh Hóa cho thấy mức độ kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình đang có xu hướng giảm dần rõ rệt. Trên cơ sở phân tích ma trận nghề nghiệp giữa thế hệ thứ nhất (ông) và thứ hai (cha), với tổng số 295 trường hợp, tỉ lệ kế thừa nghề đạt 63,7% (xem Bảng 2). Trong khi đó, tỉ lệ kế tục nghề giữa thế hệ thứ hai (cha) và thế hệ thứ ba (con), khảo sát trên 198 trường hợp, chỉ còn 43,9% (xem Bảng 3). Sự sụt giảm về tỉ lệ kế thừa giữa hai khoảng thế hệ cho thấy xu hướng đứt gãy ngày càng rõ trong chuỗi truyền nghề.

Bảng 2: Ma trận kế thừa nghề nghiệp giữa thế hệ thứ 2 khi so sánh với thế hệ thứ 1

Nghề của bố (thế hệ 1)	Nghề đúc đồng	Nghề chế tạo đá	Nghề chiếu cói	Tổng
Nghề đúc đồng	74			
	75,5%			
Nghề chế tạo đá		47		
		48,0%		
Nghề chiếu cói			67	
			68,4%	
Tổng				188/295
				63,7%

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài (Nguyễn Thị Việt Hưng, 2023).

Bảng 3: Tỷ lệ kế thừa nghề nghiệp giữa thế hệ thứ 3 khi so sánh với thế hệ thứ 2

Nghề của bố (thế hệ 2)	Nghề đúc đồng	Nghề chế tạo đá	Nghề chiếu cói	Tổng
Nghề đúc đồng	34			
	47,2%			
Nghề chế tạo đá		19		
		41,3%		
Nghề chiếu cói			34	
			42,5%	
				87/198
				43,9%

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài (Nguyễn Thị Việt Hưng, 2023).

Xét theo nhóm nghề, mức độ kế thừa có sự chênh lệch rõ rệt. Tại làng đúc đồng Trà Đông - nghề mang tính chuyên biệt và truyền thống dòng tộc, tỷ lệ kế tục

giữa thế hệ thứ nhất và thứ hai đạt 75,5%, giảm còn 47,2% khi so thế hệ thứ ba với thứ hai. Ở làng chiếu cói Nga Sơn, tỉ lệ kế thừa đạt 68,4% và giảm xuống 42,5% ở thế hệ thứ ba. Đáng chú ý, tại làng đá mỹ nghệ Nhồi, mức độ kế thừa ổn định hơn, với 48% ở thế hệ thứ hai so với thứ nhất và 41,3% ở thế hệ thứ ba so với thế hệ thứ hai. Lịch sử phát triển của làng đá mỹ nghệ Nhồi ghi nhận giai đoạn hưng thịnh nhất của nghề là những năm 90 của thế kỉ XX, cả làng có hàng trăm hộ làm nghề. Tuy nhiên, hiện nay làng Nhồi trở thành một làng thuộc phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, nhiều cơ sở chế tác bị thu hẹp hoặc di dời để nhường chỗ cho nhà ở và hạ tầng giao thông. Các cơ sở làm nghề nằm phân tán trong khu vực dân cư, gây ô nhiễm tiếng ồn, bụi và nước thải nên một số lượng lớn thanh niên cũng chuyển sang các ngành nghề khác tại các khu công nghiệp hoặc ngành dịch vụ làm suy giảm rõ lực lượng kế cận của nghề.

Sự khác biệt này phản ánh vai trò của tính chất nghề, mức độ tổ chức sản xuất và môi trường xã hội tại từng địa bàn đối với quá trình kế tục nghề nghiệp.

Sự thay đổi cũng thể hiện rõ khi so sánh giữa các thế hệ theo thời gian. Ở thế hệ ông - cha, mối liên kết nghề nghiệp còn khá ổn định do cấu trúc xã hội khép kín, sự lựa chọn nghề nghiệp hạn chế và giá trị văn hóa nghề được duy trì vững chắc trong cộng đồng. Tuy nhiên, ở thế hệ cha - con, nghề truyền thống bắt đầu đối diện với nhiều thách thức: thị trường lao động mở rộng, cơ hội nghề nghiệp đa dạng, cùng với sự thay đổi trong nhận thức và giá trị sống của thế hệ trẻ khiến quyết định kế tục nghề không còn là lựa chọn mặc định.

Yếu tố giới tính cũng có ảnh hưởng nhất định. Trong các gia đình được khảo sát, tỉ lệ con trai kế nghiệp cao hơn con gái, đặc biệt trong các nghề đòi hỏi sức lao động nặng như chế tác đá hoặc đúc đồng. Tuy nhiên, sự phân công lao động theo giới truyền thống đang bị phá vỡ từng bước, nhất là ở các hộ có con gái học nghề mới hoặc làm việc trong các ngành dịch vụ.

Ngoài ra, môi trường nghề nghiệp cũng tác động đến mức độ gắn bó nghề. Nghề chiếu cói và nghề chế tác đá đều đặc trưng bởi điều kiện lao động thủ công nặng nhọc, thu nhập không ổn định và thiếu sự hỗ trợ công nghệ. Điều này khiến thế hệ trẻ có xu hướng tìm đến các nghề mới có tính hiện đại và ít ràng buộc không gian. Ngược lại, ở những hộ làm nghề đúc đồng có đầu tư cải tiến công cụ, thương hiệu hóa sản phẩm hoặc liên kết với du lịch, tỉ lệ kế thừa nghề có phần khả quan hơn.

Như vậy, dữ liệu thực nghiệm từ ba làng nghề cho thấy quá trình kế thừa nghề nghiệp đang suy giảm đáng kể giữa các thế hệ, với sự khác biệt rõ theo nhóm nghề. Sự thay đổi này không chỉ là hệ quả của dịch chuyển nghề mang tính cá nhân, mà còn phản ánh xu hướng “mở dần” của hệ thống nghề truyền thống trước sức ép của thị trường, công nghệ và các chuẩn giá trị xã hội mới trong bối cảnh hiện đại hóa nông thôn.

4.2. Di động nghề nghiệp liên thế hệ: Phân tích theo chỉ số Yasuda

Dựa trên các bảng ma trận nghề nghiệp đã thiết lập ở phần trước và phương pháp đo lường di động xã hội của nhà xã hội học người Nhật Sabura Yasuda, nghiên cứu tiến hành tính toán các chỉ số phản ánh mức độ kế thừa nghề nghiệp và sự di động nghề nghiệp giữa các thế hệ. Mục tiêu của phép đo này là xác định xu hướng vận động nghề nghiệp trong gia đình làm nghề, từ đó nhận diện các yếu tố chính ảnh hưởng đến việc duy trì hoặc rời bỏ nghề truyền thống trong bối cảnh hiện nay.

Bảng 4 dưới đây thể hiện kết quả đo lường các chỉ số: tỉ lệ di động thực tế, tỉ lệ di động cấu trúc (cường bức), tỉ lệ di động tuần hoàn (trao đổi) và chỉ số Yasuda tổng thể giữa hai cặp thế hệ: ông - cha (thế hệ 1 và 2), cha - con (thế hệ 2 và 3).

Bảng 4: Tỉ lệ di động được tính toán thông qua bảng tính về tỉ lệ di động nghề nghiệp

	Tỉ lệ di động thế hệ 2 và 1	Tỉ lệ di động thế hệ 3 và 2
Tỉ lệ di động thực tế	0,523	0,703
Tỉ lệ di động cấu trúc	0,010	0,000
Tỉ lệ di động tuần hoàn	0,251	0,386
Chỉ số Yasuda tổng thể	0,342	0,742

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài (Nguyễn Thị Việt Hưng, 2023).

Kết quả cho thấy, tỉ lệ di động thực tế tăng từ 0,523 ở thế hệ cha - ông lên 0,703 ở thế hệ cha - con, phản ánh xu hướng ngày càng nhiều người trẻ rời khỏi nghề truyền thống của gia đình để chuyển sang các ngành nghề khác. Điều này đồng nghĩa với việc tỉ lệ kế thừa nghề nghiệp giảm dần ở thế hệ thứ ba, đặc biệt rõ nét trong các làng nghề có thu nhập thấp, điều kiện lao động nặng nhọc hoặc thiếu triển vọng thị trường.

Xét theo công thức di động xã hội của Yasuda ($\text{Actual Mobility} = \text{Structural Mobility} + \text{Circulation Mobility}$), sự thay đổi nghề nghiệp tại các làng nghề tỉnh Thanh Hóa chủ yếu bắt nguồn từ di động tuần hoàn, với giá trị tăng từ 0,251 lên 0,386, trong khi tỉ lệ di động cấu trúc gần như bằng 0 ở thế hệ sau. Di động tuần hoàn phản ánh lựa chọn mang tính chủ động và tự nguyện của cá nhân trong quá trình thay đổi vị trí nghề nghiệp, cho thấy rằng những biến động nghề nghiệp hiện nay không xuất phát từ sự biến mất của ngành nghề, mà chủ yếu do người trẻ quyết định rời nghề truyền thống để tìm kiếm những con đường mới.

Dưới góc nhìn lý thuyết, đây là dấu hiệu rõ ràng của một hệ thống nghề nghiệp đang trở nên “mở” - như Yasuda mô tả - nơi các cá nhân có nhiều không gian lựa chọn và di chuyển hơn, không bị ràng buộc cứng nhắc bởi nghề nghiệp của thế hệ trước.

Tuy nhiên, điều này cũng hàm chứa nguy cơ phá vỡ chuỗi tái sản xuất nghề nghiệp liên thế hệ, đặc biệt là trong các cộng đồng vốn lấy nghề làm nền tảng của bản sắc văn hóa và cấu trúc xã hội.

Mặt khác, việc tỉ lệ di động tuần hoàn vượt xa di động cấu trúc cũng cho thấy mức độ công nghiệp hóa của các làng nghề truyền thống ở tỉnh Thanh Hóa còn chưa cao. Theo cách diễn giải của Yasuda, ở những xã hội có tốc độ công nghiệp hóa mạnh, di động cấu trúc sẽ chiếm ưu thế, phản ánh quá trình dịch chuyển nghề nghiệp do tái cơ cấu nền kinh tế. Ngược lại, trong trường hợp này, khi di động tuần hoàn là chủ yếu, có thể thấy sự thay đổi nghề nghiệp chủ yếu vẫn nằm trong quyết định hành vi của cá nhân, chưa xuất phát từ những chuyển biến mang tính hệ thống.

Từ các chỉ số này, có thể khẳng định: sự kế thừa nghề nghiệp trong gia đình tại các làng nghề truyền thống tỉnh Thanh Hóa đang bị suy giảm mạnh, không chỉ do thiếu vắng cơ chế truyền thừa bền vững mà còn do cấu trúc xã hội mở rộng khiến cá nhân có nhiều lựa chọn hơn. Đây chính là tiền đề để đi sâu phân tích các nhóm yếu tố tác động trực tiếp đến quyết định kế thừa nghề nghiệp.

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng

4.3.1. Biến động kinh tế - xã hội và mức độ “mở” của nghề truyền thống

Dựa trên tỉ lệ di động tuần hoàn đã được xác định trong Bảng 4, chúng tôi tiếp tục tính toán chỉ số Yasuda tổng thể (Yasuda index) cho từng nhóm làng nghề và toàn bộ mô hình, nhằm đo lường mức độ “mở” của hệ thống nghề truyền thống - tức mức độ mà nghề nghiệp của thế hệ con rời khỏi nghề của cha mẹ. Kết quả được trình bày trong Bảng 5 cho thấy, ở tất cả các thế hệ và nhóm nghề, chỉ số Yasuda đều lớn hơn 0, điều này phản ánh hệ thống phân tầng xã hội tại các làng nghề đang vận động, có sự dịch chuyển nghề giữa các thế hệ.

Bảng 5: Hệ số mở cho toàn mô hình và mỗi nhóm nghề

	Cha(TH1) - con (TH2)	Cha(TH2)- Con (TH3)
Chỉ số Yasuda tổng thể (Y)	0,342	0,742
Yasuda index của làng nghề đúc đồng Trà Đông (yi)	0,340	0,723
Yasuda index của làng nghề chế tác đá Nhồi (yi)	0,693	0,696
Yasuda index của làng nghề chiếu cói Nga Sơn (yi)	0,337	0,791

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài (Nguyễn Thị Việt Hưng, 2023).

Đáng chú ý, chỉ số Yasuda khi so sánh giữa thế hệ thứ ba và thứ hai đạt mức (0,742) cao gần gấp đôi so với chỉ số giữa thế hệ thứ hai và thứ nhất (0,342). Điều này

cho thấy, mức độ kế thừa nghề nghiệp ở thế hệ thứ ba giảm rõ rệt so với thế hệ trước đó. Nói cách khác, con cái ở thế hệ thứ ba ít gắn bó với nghề truyền thống của gia đình hơn, thể hiện xu hướng gia tăng di động xã hội nghề nghiệp trong các cộng đồng làng nghề. Nguyên nhân chủ yếu có thể đến từ sự vận động mạnh mẽ của xã hội hiện đại, sự xuất hiện các lựa chọn nghề nghiệp mới và tác động của tiến trình công nghiệp hóa - đô thị hóa. Mức độ “mở” của hệ thống nghề cũng là kết quả của các chính sách phát triển làng nghề được triển khai trong thời gian qua, góp phần tái cấu trúc không gian nghề truyền thống.

Xét theo từng làng nghề cụ thể, giai đoạn kế thừa giữa thế hệ thứ hai và thứ nhất cho thấy sự phân hóa đáng kể: làng chế tác đá Nhồi có chỉ số Yasuda cao nhất (0,693), phản ánh xã hội nghề nghiệp tại đây đã ở trạng thái “mở” từ sớm. Ngược lại, hai làng nghề chiếu cói Nga Sơn và đúc đồng Trà Đông có chỉ số Yasuda khá thấp (lần lượt là 0,337 và 0,340), cho thấy quá trình kế thừa nghề vẫn duy trì tương đối ổn định giữa hai thế hệ đầu, hệ thống nghề còn khép kín. Tuy nhiên, đến thế hệ thứ ba, chỉ số Yasuda ở hai làng nghề trước đây có mức “khép kín” lại tăng vọt: 0,791 tại Nga Sơn và 0,723 tại Trà Đông - cao hơn cả làng nghề chế tác đá (0,696). Điều này cho thấy, trong khi làng nghề đá có sự rời nghề sớm, thì ở hai làng còn lại, quá trình rời bỏ nghề diễn ra mạnh hơn ở thế hệ mới - phản ánh sự thay đổi nhanh chóng trong thái độ nghề nghiệp của thế hệ trẻ, cũng như sự tác động ngày càng lớn của môi trường xã hội và cơ hội nghề nghiệp bên ngoài.

Từ các số liệu và phân tích trên, có thể khẳng định rằng: sự vận động và biến đổi kinh tế - xã hội qua ba thế hệ trong gia đình đã tạo ra những thay đổi sâu sắc trong cấu trúc nghề nghiệp của các làng nghề truyền thống. Không chỉ ảnh hưởng đến tỉ lệ kế thừa nghề, quá trình này còn làm biến đổi không gian nghề, từ nhân lực, cơ sở sản xuất cho đến giá trị nghề truyền thống. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nhìn nhận lại các chính sách bảo tồn và phát triển nghề không chỉ dưới góc độ kỹ thuật - kinh tế mà còn dưới lăng kính xã hội học về di động nghề nghiệp và truyền thống văn hóa.

4.3.2. Hệ thống chính sách phát triển làng nghề và điều tiết di động xã hội

Dữ liệu đo lường tỉ lệ di động xã hội giữa các thế hệ (Bảng 4) cho thấy: mặc dù cơ cấu kinh tế - xã hội tại các làng nghề truyền thống đang biến đổi nhanh chóng, song chính các chính sách phát triển làng nghề mới là yếu tố có tính chất điều kiện - góp phần điều tiết và định hướng hành vi kế thừa nghề giữa các thế hệ. Nói cách khác, sự thay đổi cơ cấu là bối cảnh khách quan, còn chính sách là yếu tố can thiệp có chủ đích, định hình mức độ “mở” của hệ thống nghề. Kết quả từ Bảng 4 chỉ ra rằng tỉ lệ di động cấu trúc tại cả hai thời điểm phân tích là rất thấp (0,010 và 0,000),

cho thấy thay đổi nghề nghiệp giữa thế hệ cha và con không chủ yếu do biến động khách quan trong cấu trúc phân tầng xã hội (chẳng hạn như thay đổi quy mô dân số hay phân bổ ngành nghề toàn xã hội), mà là do sự thay thế mang tính lựa chọn giữa các cá nhân - tức là di động tuần hoàn. Chính điều này phản ánh rằng, trong bối cảnh các làng nghề không có thay đổi lớn về cơ cấu phân tầng, thì việc kế thừa nghề nghiệp không còn mang tính tất yếu truyền thống, mà đã chuyển dần thành quyết định mang tính chiến lược cá nhân - chịu ảnh hưởng mạnh từ chính sách, cơ hội sinh kế và môi trường văn hóa - xã hội.

Bên cạnh đó, sự gia tăng rõ rệt của tỉ lệ di động tuần hoàn (từ 0,251 ở thế hệ thứ hai lên 0,386 ở thế hệ thứ ba) cho thấy hệ thống nghề truyền thống tại các làng nghề tỉnh Thanh Hóa đang chuyển từ trạng thái khép kín sang mở. Sự mở rộng này không thể tách rời tác động tích cực của các chính sách phát triển làng nghề, bao gồm: chính sách khuyến khích hộ sản xuất, hỗ trợ công nghệ, ưu đãi tiếp cận vốn, xúc tiến thương mại và đặc biệt là chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản nghề.

Kết quả phân tích các tài liệu về làng nghề kết hợp phỏng vấn sâu các nghệ nhân tại làng Nhồi cho thấy, trong khoảng 7 - 10 năm cuối thế kỉ XX, khi chính sách phát triển làng nghề chưa được ban hành đồng bộ, nhiều làng nghề truyền thống ở tỉnh Thanh Hóa rơi vào trạng thái trì trệ, thu nhập thấp, thiếu động lực làm nghề thì tỉ lệ người rời bỏ nghề và từ chối kế thừa nghề trong gia đình diễn ra phổ biến. Tuy nhiên, từ đầu thế kỉ XXI, cùng với tiến trình đổi mới và nông thôn mới, các chương trình phục hồi làng nghề được thúc đẩy mạnh mẽ ở cấp tỉnh và trung ương. Chính sách này không chỉ tạo ra cú hích về sản xuất mà còn tái khẳng định giá trị nghề trong cộng đồng, từ đó góp phần nâng tỉ lệ kế thừa nghề, đặc biệt ở thế hệ thứ ba - như đã thể hiện qua các chỉ số Yasuda.

Tóm lại, hệ thống chính sách của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương không chỉ góp phần giữ gìn không gian nghề truyền thống mà còn định hình hành vi kế thừa nghề trong các gia đình làm nghề. Khi chính sách hướng tới sinh kế bền vững, gắn kết với di sản và có khả năng kích thích niềm tự hào văn hóa nghề, thì khả năng thế hệ trẻ quay trở lại kế tục nghề nghiệp truyền thống cũng sẽ tăng lên.

4.3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng khác

Bên cạnh các yếu tố kinh tế và chính sách đã được phân tích, quá trình kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình tại các làng nghề truyền thống còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ những yếu tố xã hội - văn hóa mang tính bản địa. Trong đó, cấu trúc dòng họ và phân tầng cộng đồng đóng vai trò chi phối quan trọng. Ở nhiều làng nghề, đặc biệt là làng nghề đúc đồng Trà Đông hoặc nghề chiếu cói tại Nga Sơn, nghề truyền thống thường gắn với một số dòng họ có vị thế xã hội đặc biệt. Với họ,

nghề không chỉ là phương tiện sinh kế mà còn mang giá trị biểu tượng, thể hiện uy tín và danh dự của dòng tộc trong cộng đồng làng xã. Trong những trường hợp này, quyết định kế thừa nghề nghiệp không đơn thuần là kết quả của lựa chọn cá nhân, mà còn là hành vi mang tính tiếp nối biểu tượng và nghĩa vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, chính cấu trúc nghề nghiệp gắn với dòng họ cũng tạo ra một hình thức phân tầng nghề nghiệp ngầm, trong đó các nhóm không thuộc dòng họ chủ nghề thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận kỹ thuật cốt lõi, không gian sản xuất hoặc hệ thống khách hàng truyền thống. Điều này dẫn đến bất bình đẳng trong cơ hội kế thừa nghề giữa các nhóm xã hội trong cùng cộng đồng làng nghề và ảnh hưởng đến động lực tham gia hoặc gắn bó lâu dài với nghề của thế hệ trẻ ở các nhóm bên lề, chủ yếu là con em các gia đình không thuộc dòng họ chủ nghề.

Một yếu tố khác cũng thể hiện sự bất đối xứng là phân công lao động theo giới tính. Tại làng nghề đá Nhồi và đúc đồng Trà Đông, do tính chất nặng nhọc của nghề, việc truyền nghề chủ yếu diễn ra giữa cha và con trai, trong khi phụ nữ chủ yếu đảm nhiệm vai trò hậu cần, thương mại và quản lý tài chính gia đình. Ngược lại, làng nghề chiếu cói Nga Sơn lại thể hiện sự tham gia bình đẳng hơn giữa nam và nữ, với tỉ lệ phụ nữ trung niên tiếp tục nghề truyền thống khá cao. Những khác biệt này cho thấy, giới tính là một yếu tố cấu trúc có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng kế thừa nghề, cả về mặt kỹ thuật và địa vị văn hóa trong cộng đồng nghề.

Ngoài ra, trình độ học vấn của thế hệ kế tiếp cũng đóng vai trò hai chiều. Một mặt, học vấn cao mở ra cơ hội thoát khỏi không gian nghề truyền thống để tham gia các ngành nghề hiện đại trong đô thị hoặc thị trường toàn cầu, dẫn đến tỉ lệ kế nghiệp giảm rõ ở thế hệ thứ ba như kết quả nghiên cứu đã cho thấy. Mặt khác, những người trẻ có học vấn, nếu được khuyến khích và tạo điều kiện, hoàn toàn có thể trở thành lực lượng đổi mới nghề: đưa công nghệ vào sản xuất, phát triển sản phẩm sáng tạo hoặc kết nối nghề truyền thống với du lịch, thương mại điện tử. Tuy nhiên, hiện tượng này vẫn chưa phổ biến tại các làng nghề ở tỉnh Thanh Hóa do thiếu cơ chế kết nối giữa tri thức mới và không gian nghề cũ.

Thêm vào đó, vai trò biểu tượng của nghề nhân cũng là một yếu tố trung tâm trong việc duy trì tính liên tục của nghề. Ở các làng có nghề nhân được vinh danh như Trà Đông và Nga Sơn, sự hiện diện của các “hình mẫu nghề nghiệp” tạo ra vốn biểu tượng mạnh mẽ, củng cố niềm tin và lòng tự hào nghề nghiệp. Ngược lại, tại làng Nhồi - nơi thiếu vắng danh hiệu chính thức - động lực kế tục nghề tỏ ra yếu hơn, phản ánh qua chỉ số Yasuda cao ngay từ thế hệ thứ hai. Theo lý thuyết của Bourdieu, điều này cho thấy sự suy giảm của vốn văn hóa hiện thân và vốn biểu tượng có thể dẫn đến đứt gãy chuỗi truyền nghề liên thế hệ.

Một yếu tố khác là mức độ cơ giới hóa và đổi mới công nghệ. Việc đưa máy móc vào một số công đoạn đã làm giảm gánh nặng thể chất và tăng năng suất, đồng thời mở rộng cơ hội tiếp cận nghề cho các nhóm yếu thế như phụ nữ, thanh niên hoặc người chưa có tay nghề cao. Dưới góc độ lý thuyết lựa chọn hợp lý, sự cải thiện điều kiện lao động này làm thay đổi tính toán chi phí - lợi ích trong quyết định gắn bó với nghề của thế hệ trẻ.

Đáng chú ý, khả năng tích hợp nghề truyền thống với hoạt động du lịch trải nghiệm là một yếu tố tiềm năng giúp nghề trở nên hấp dẫn hơn. Trà Đông đang trong quá trình hình thành các điểm trưng bày và đón khách, trong khi Nga Sơn thiếu quy hoạch và Nhồi gần như không có điều kiện phát triển du lịch do đặc thù sản xuất. Sự khác biệt này phản ánh năng lực chuyển đổi mô hình sản xuất từ thủ công truyền thống sang kinh tế sáng tạo - một xu hướng ngày càng rõ nét trong xã hội đương đại.

Cuối cùng, diễn ngôn xã hội về nghề thủ công - thông qua truyền thông, giáo dục hướng nghiệp và thị trường hóa - cũng có tác động mạnh đến quyết định kế nghiệp. Khi nghề bị gắn với hình ảnh “lạc hậu, thu nhập thấp” hoặc bị loại khỏi chương trình giáo dục, khả năng bị thế hệ trẻ từ chối là rất cao. Ngược lại, nếu nghề được truyền thông tích cực, gắn với du lịch và đổi mới sáng tạo, nó có thể được hồi sinh như một biểu tượng văn hóa mới - tương tự như trường hợp làng nghề gốm Bát Tràng hoặc lụa Vạn Phúc.

Tổng hợp lại, các yếu tố xã hội - văn hóa như dòng họ, giới tính, học vấn, nghề nhân, đổi mới công nghệ, khả năng tích hợp du lịch và diễn ngôn truyền thông đang tham gia định hình lại không gian kế thừa nghề truyền thống. Bên cạnh đó, cần nhấn mạnh đến vai trò của vốn biểu tượng và không gian nghi lễ trong cấu trúc văn hóa nghề. Khi nghề thủ công không còn được xem là biểu tượng của sự tự hào hay địa vị trong cộng đồng, thì sự tự trọng nghề nghiệp của thế hệ trẻ suy giảm rõ rệt, dẫn tới quyết định từ bỏ nghề không chỉ vì lí do kinh tế mà còn vì thiếu động lực tinh thần và cảm hứng xã hội. Tương tự, các nghi lễ như giỗ tổ nghề, tục truyền nghề, hay miếu thờ tổ không đơn thuần là sinh hoạt tâm linh, mà còn là thiết chế văn hóa giữ nghề. Sự suy giảm hoặc mai một những yếu tố này đang làm đứt gãy kết nối giữa cá nhân với cộng đồng nghề và khiến quá trình kế thừa mất đi điểm tựa biểu tượng cần thiết. Do vậy, khôi phục vốn biểu tượng và không gian thiêng nghề nghiệp cần được xem là một trong những hướng can thiệp văn hóa quan trọng để giữ gìn và tái sinh các làng nghề truyền thống trong xã hội hiện đại. Đây là những biến số có ý nghĩa đặc biệt trong việc thiết kế các chính sách bảo tồn và phục hồi nghề thủ công một cách bền vững trong thế kỉ XXI.

5. Thảo luận và kết luận

Kết quả đo lường di động xã hội nghề nghiệp tại ba làng nghề truyền thống ở tỉnh Thanh Hóa cho thấy xu hướng rõ rệt của quá trình “mở dân” hệ thống nghề qua các thế hệ. Từ chỉ số Yasuda tổng thể tăng mạnh giữa thế hệ thứ ba và thứ hai (0,742 so với 0,342), đến tỉ lệ di động tuần hoàn cao hơn hẳn di động cấu trúc (0,386 so với 0,000), có thể nhận định rằng: quá trình kế thừa nghề nghiệp đang chịu tác động chủ yếu từ những dịch chuyển mang tính lựa chọn cá nhân hơn là từ các biến động khách quan của cấu trúc xã hội. Kết quả này cho phép đối chiếu và làm sáng tỏ một số luận điểm lý thuyết đã nêu ở phần cơ sở.

Trước hết, theo quan điểm của Sabura Yasuda, sự gia tăng tỉ lệ di động tuần hoàn cho thấy các làng nghề truyền thống tại tỉnh Thanh Hóa đang ở trong trạng thái phân tầng “mềm”, với mức độ mở cao hơn qua từng thế hệ. Đây là tín hiệu của một xã hội đang công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nơi mà vị thế nghề nghiệp không còn bị cố định bởi truyền thống dòng họ hay cơ cấu làng xã. Tuy nhiên, điều này cũng đồng nghĩa với nguy cơ đứt gãy trong việc tái sản xuất các giá trị nghề thủ công truyền thống, nhất là khi không còn động lực đủ lớn để giữ chân thế hệ trẻ trong môi trường nghề hiện tại.

Dưới lăng kính của Pierre Bourdieu, hiện tượng suy giảm kế thừa nghề có thể được hiểu như là sự suy giảm “vốn văn hóa hiện thân” và “vốn biểu tượng” trong các gia đình nghề. Khi nghề không còn được xem là biểu tượng của danh dự, khi người cha không còn truyền được tình yêu và niềm tin nghề cho thế hệ sau, thì quá trình tái sản xuất văn hóa nghề sẽ bị gián đoạn. Sự thiếu vắng các nghệ nhân được thừa nhận chính thức tại một số làng, hay việc thiếu môi trường văn hóa nghề (như lễ hội, nghi thức truyền thống, v.v.) chính là những biểu hiện cụ thể của việc mất dần vốn biểu tượng - thứ từng đóng vai trò then chốt trong việc duy trì bản sắc nghề truyền thống

Tiếp cận từ lý thuyết lựa chọn hợp lý, quyết định rời bỏ nghề của thế hệ trẻ không nhất thiết là biểu hiện của sự “mất gốc” hay suy giảm đạo đức nghề nghiệp, mà phản ánh tính toán lợi ích - chi phí trong bối cảnh xã hội thay đổi. Khi nghề truyền thống không đảm bảo sinh kế ổn định, không tạo ra không gian sáng tạo, không gắn được với thị trường và công nghệ mới, thì việc rẽ sang hướng nghề khác là một hành vi hợp lý. Điều này càng đúng khi các chính sách hỗ trợ nghề chưa đủ mạnh để tạo “đòn bẩy” kinh tế - xã hội cho người trẻ kế tục.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong bối cảnh mới, nghề truyền thống không nhất thiết chỉ tồn tại dưới dạng “gia truyền” khép kín. Nếu được tái cấu trúc như một phần của chuỗi giá trị kinh tế sáng tạo - nơi sản phẩm là sự kết hợp của văn hóa, thiết kế,

du lịch và công nghệ - nghề thủ công hoàn toàn có thể trở thành lựa chọn hấp dẫn cho thế hệ mới. Thực tế tại Trà Đông với sự mạnh mẽ của du lịch trải nghiệm, hay tại các mô hình thành công như Bát Tràng, Vạn Phúc, v.v. đã chứng minh rằng, khi nghề được “hiện đại hóa trong khuôn khổ truyền thống”, quá trình kế thừa không chỉ được khôi phục mà còn mang hình thức mới - vừa giữ gốc, vừa thích nghi.

Từ đó, có thể khẳng định: quá trình kế thừa nghề nghiệp tại các làng nghề không thể tiếp cận như một hiện tượng xã hội thuần túy theo kiểu “cha truyền con nối”, mà cần đặt trong mối quan hệ đa chiều giữa cơ cấu phân tầng xã hội, văn hóa nghề, lựa chọn cá nhân và thiết kế chính sách. Việc kết hợp đồng bộ các góc nhìn lý thuyết không chỉ giúp hiểu sâu hơn về nguyên nhân suy giảm kế thừa mà còn mở ra hướng đi linh hoạt hơn cho các chương trình phục hồi và phát triển nghề truyền thống trong tương lai.

Từ những phân tích trên có thể rút ra 3 điểm nhấn chính: (1) Hệ thống nghề thủ công tại các làng nghề tỉnh Thanh Hóa đang chịu áp lực dịch chuyển nghề theo hướng cá nhân hóa (theo lý thuyết Yasuda); (2) Vốn văn hóa hiện thân và biểu tượng có dấu hiệu suy giảm trong nhiều cộng đồng nghề, dẫn tới đứt gãy mạch truyền nghề liên thế hệ (theo Bourdieu); (3) Các quyết định rời bỏ nghề truyền thống của thế hệ trẻ diễn ra trong điều kiện hợp lý, phản ánh điều chỉnh chiến lược cá nhân phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội mới (theo Rational Choice).

Khuyến nghị: Từ các kết quả trên, nghiên cứu này đề xuất một số khuyến nghị chính sách như sau:

Thứ nhất, cần tái thiết lập giá trị nghề truyền thống không chỉ dưới góc độ kinh tế mà còn như một thực thể văn hóa sống, gắn với vốn biểu tượng, danh dự cộng đồng và giá trị thẩm mỹ. Việc vinh danh nghề nhân, tổ chức lễ hội nghề, phục dựng nghi lễ truyền thống sẽ góp phần củng cố vốn biểu tượng và tăng tính hấp dẫn văn hóa của nghề đối với thế hệ trẻ.

Thứ hai, cần tích hợp nghề truyền thống vào hệ sinh thái kinh tế sáng tạo, thông qua hỗ trợ thiết kế sản phẩm, kết nối thương mại điện tử, phát triển du lịch trải nghiệm và quảng bá nghề trên nền tảng số. Đây là hướng đi khả thi nhằm “tái định vị” nghề trong nhận thức của người trẻ, biến nghề thành lựa chọn nghề nghiệp hấp dẫn, có tiềm năng sinh kế.

Thứ ba, xây dựng các chương trình giáo dục hướng nghiệp bản địa trong trường học, trong đó nghề truyền thống được đưa vào như một phần của di sản văn hóa địa phương. Sự can thiệp từ hệ thống giáo dục sẽ đóng vai trò lâu dài trong việc thay đổi định kiến nghề và thúc đẩy quá trình kế thừa có định hướng.

Thứ tư, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển làng nghề theo hướng lồng ghép giữa bảo tồn và phát triển. Ngoài việc hỗ trợ vốn, công nghệ và thị trường, chính sách cần hướng tới tạo lập không gian sinh sống và làm nghề bền vững, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa và di cư gia tăng.

Tóm lại, kế thừa nghề nghiệp trong các làng nghề truyền thống là một quá trình xã hội mang tính phức hợp, cần được tiếp cận theo hướng liên ngành, kết hợp giữa chính sách công, văn hóa cộng đồng và động lực cá nhân. Những kết quả và khuyến nghị trong nghiên cứu này không chỉ góp phần lý giải thực trạng tại các làng nghề tỉnh Thanh Hóa mà còn có thể là gợi ý tham khảo cho các cộng đồng nghề truyền thống ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi xã hội hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Bourdieu, P. 1986. "The forms of capital". In J. Richardson (Ed.). *Handbook of theory and research for the sociology of education*. Greenwood. pp. 241 - 258.
2. Đỗ Thiên Kính. 2012. *Hệ thống phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
3. Kendall, D. 2017. *Sociology in our times* (10th ed.). Boston, MA: Cengage Learning.
4. Nguyễn Ngọc Toại. 2016. "Di động nghề nghiệp liên thế hệ ở Nam Bộ: Một số vấn đề phương pháp luận". *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (9), tr. 14 - 27.
5. Nguyễn Thị Lý. 2018. *Sự kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình ở thành phố Thanh Hóa*. Luận án Tiến sĩ xã hội học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Việt Hưng. 2023. *Sự kế thừa nghề nghiệp giữa các thế hệ trong gia đình tại các làng nghề tỉnh Thanh Hóa*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trường Đại học Hồng Đức.
7. Scott, J. 2000. "Rational choice theory". In G. Browning, A. Halcli, & F. Webster (Eds.). *Understanding contemporary society: Theories of the present*. Sage. pp. 126 - 138.